

Bản án số: 237/2018/HNGĐ-ST

Ngày 23-10-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trường

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018, về “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh D, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Đào Thu E, sinh năm 1970; Nơi cư trú: Ấp TC, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Ông D và bà Thu E chung sống với nhau năm 1991, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2014 đến nay do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi và có đánh nhau, gia đình và địa phương đã hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không thành và sự việc mâu thuẫn kéo dài đến nay. Ông D và bà Thu E cùng thống nhất ly hôn.

Về con chung: Ông D và bà Thu E có ba con chung tên Lê Thị Tố Q, sinh năm 1992; Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1996 và Lê Chí N, sinh năm 2005. Ông D và bà Thu E thống nhất không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản:

- Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2018, ông Lê Thanh D xác định tài sản chung của ông, bà gồm có:

+ Phần đất có diện tích 5.526,0m² tọa lạc tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do bà Đào Thu E đứng tên quyền sử dụng.

+ Hai căn nhà bằng cây gỗ địa phương, lợp tol xi măng, vách lá, nền lót gạch bông, diện tích 8x20m, nhà cất trên phần đất nêu trên.

+ Đồ sinh hoạt trong nhà gồm tủ, bàn, ghế.

+ Tiền mặt 120.000.000 đồng.

+ 05 cây vàng 24k đang cố đất của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc A.

+ Ông Phan Văn L nợ 80.000.000 đồng tiền vay vào ngày 02/5/2018al

- Tại văn bản ghi ý kiến ngày 01/10/2018 bà Đào Thu E xác định:

+ Phần đất có diện tích 5.526,0m² tọa lạc tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do bà Đào Thu E đứng tên quyền sử dụng; tiền mặt 120.000.000 đồng và 05 cây vàng 24k là tài sản riêng của bà.

+ Hai căn nhà bằng cây gỗ địa phương, lợp tol xi măng, vách lá, nền lót gạch bông, diện tích 8x20m và đồ sinh hoạt trong nhà gồm tủ, bàn, ghế là tài sản chung của ông bà.

+ Số tiền 80.000.000 đồng cho ông Phan Văn L vay theo ông D xác định nằm trong số tiền 120.000.000 đồng nêu trên.

- Tại biên bản hòa giải ngày 17/10/2018 ông Lê Thanh D và bà Đào Thu E xác định và thỏa thuận các tài sản chung của vợ chồng như sau:

+ Phần đất có diện tích 5.526,0m² tọa lạc tại ấp Trung Cang, xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau do bà Đào Thu E đứng tên quyền sử dụng;

+ Hai căn nhà bằng cây gỗ địa phương, lợp tol xi măng, vách lá, nền lót gạch bông, diện tích 8x20m, nhà cất trên phần đất nêu trên;

+ Đồ sinh hoạt trong nhà gồm tủ, bàn, ghế;

+ Tiền mặt 120.000.000 đồng (tiền này ông Phan Văn H chuộc lại đất đã cố trước đó);

+ 05 cây vàng 24k đang cố đất của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc A. Diện tích đất cố là 05 công tầm lớn, thời gian cố là 24/5/2016, phần đất do ông M đứng tên quyền sử dụng. Sau khi cố đất cho ông M và bà A mượn lại với giá 9.000.000 đồng/năm.

+ Ông Phan Văn L nợ 80.000.000 đồng tiền vay vào ngày 02/5/2018al

+ 05 cây vàng 24k đang cố đất của ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Ngọc A như nêu trên.

Hiện tại số tài sản còn lại vợ chồng cùng quản lý.

Ông D và bà Thu E thống nhất: Giao nhà đất, vật dụng trong nhà cho ông D quản lý, đồng thời bà Thu E giao cho ông D số tiền 10.000.000 đồng, ông D được quản lý đất đai nhưng không được quyền tự ý chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp mà sau này để lại cho con trai là Lê Chí N. Bà Thu E được nhận các tài sản còn lại. Việc phân chia nêu trên do ông bà tự thỏa thuận với nhau, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Ông D và bà Thu E xác định ông bà chỉ có người khác nợ lại và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đào Thu E có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Thu E là phù hợp.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Ông D và bà E không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và số tiền người khác nợ ông bà nên Tòa án không đưa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Ngọc A và ông Phan Văn L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về hôn nhân: Ông D và bà Thu E chung sống với nhau vào năm 1991 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông D và bà Thu E.

[4] Về con chung: Ông D và bà Thu E có ba con chung tên Lê Thị Tố Q, sinh năm 1992; Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1996 và Lê Chí N, sinh năm 2005. Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về tài sản: Ông D và bà Thu E thống nhất: Giao nhà đất, vật dụng trong nhà cho ông D quản lý, đồng thời bà Thu E giao cho ông D số tiền 10.000.000 đồng, ông D được quản lý đất đai nhưng không được quyền tự ý sang bán, cầm cố, thế chấp mà sau này để lại cho con trai là Lê Chí N. Bà Thu E được nhận các tài sản còn lại. Ông D và bà Thu E xác định việc phân chia nêu trên do ông bà tự thỏa thuận với nhau, không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Về nợ: Ông D và bà Thu E không có nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản người khác nợ lại ông bà nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông D phải chịu theo quy định của pháp luật; Án phí dân sự sơ thẩm: Ông D không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Thanh D và bà Đào Thu E là vợ chồng.

2. Về án phí: Ông Lê Thanh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 4.263.000 đồng theo biên lai 0010421 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, đối trừ số tiền án phí phải chịu 300.000 đồng, ông D được hoàn lại số tiền 3.963.000 đồng.

Ông Lê Thanh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Đào Thu E có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng